

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HSST

Ngày 26 - 6- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Băng

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Bích Thảo -Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/HSST ngày 14/5/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34 /2019/QĐXXST-HS ngày 14 /6/2018 đối với các bị cáo :

1. Phạm Anh N- Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1975 tại Yên Bái;

Nơi cư trú: Tổ 3, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc Đ và bà Phùng Thị T1; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 23/01/2019 hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Phạm Ngọc T - Sinh năm 1974 tại Yên Bái.

Nơi cư trú : Tổ 11, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch : Việt Nam; con ông: Phạm Ngọc H và bà Phạm Thị V ; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 17 tháng 7 năm 2002 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án

số 36/2002/HSST – Đã được xóa án tích). Ngày 29 tháng 11 năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”(Bản án số 123/2005/HSST – Đã được xóa án tích). Ngày 04/11/2009 bị Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. (Quyết định số: 213/QĐXPHC – Đã được xóa tiền sự). Ngày 24/12/2009 Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 62/QĐ – đã chấp hành xong). Ngày 17/12/2012 Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 2561/QĐ – đã chấp hành xong). Ngày 03/10/2016 Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Quyết định số 01/QĐ-TA – đã chấp hành xong); Bị cáo bị bắt ngày 23/01/2019 hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T:

Bà Lương Thị Ngọc Phương – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C.

Trú tại: Tổ 11, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Trần Văn Q.

Trú tại: Tổ 4, phường Đồng T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc T là đối tượng nghiện chất ma túy, để phục vụ cho nhu cầu của bản thân, khoảng 07 giờ ngày 23/01/2019. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOVO biển kiểm soát 21V4- 7964 đến nhà Phạm Anh N chơi, cả hai rủ nhau góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng. N có 130.000đồng (Một trăm, ba mươi nghìn đồng), T đưa cho N 50.000đồng (Năm mươi nghìn đồng) được tổng số là 180.000đồng (Một trăm, tám mươi nghìn đồng). T chở N đến khu vực ngã tư đèn tín hiệu giao thông gần cổng Bệnh viện Sản nhi tỉnh Yên Bái thuộc tổ 4, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Tại khu vực này, N một mình đi bộ đến khu vực quán nước chè gọi điện hỏi và mua 01 gói ma túy được gói bằng nilon màu đỏ với giá 180.000đồng (Một trăm, tám mươi nghìn đồng) của một người đàn ông tên là T2, còn T một mình đi mua 02 xi lanh và 01 lọ nước cất. Mua được ma túy T chở N đến khi vực tổ 4, phường M, thành phố Y thì bị Cơ quan Công an thành phố Yên Bái bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng:

Thu giữ của Phạm Anh N gồm:

- 01 túi nilon màu đỏ hàn kín bên trong có chứa chất bột nén màu trắng (tại mặt đường ở vị trí Phạm Anh N đứng);
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng số thuê bao 0974 089 975.

Thu giữ của Phạm Ngọc T gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel số thuê bao 0988 258 548
- 02 xi lanh nhựa chưa qua sử dụng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu NOVO biển kiểm soát 21V4 - 7964.

Tại bản kết luận giám định số: 48/GĐMT ngày 29/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận: “ Chất bột nén màu trắng thu giữ của Phạm Anh N khi bắt quả tang có khối lượng là 0,1 gam là ma túy, loại Heroine”.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Ngọc T, Phạm Anh N thành khẩn, khai báo, thừa nhận ngày 23/01/2019 T và N đã tàng trữ 0,1gam ma túy loại Heroine mục đích sử dụng thì bị Cơ quan Công an thành phố Yên Bái bắt giữ. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Cáo trạng số: 21/CT-VKS-TP ngày 10/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Phạm Anh N, Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Anh N, Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Phạm Ngọc T từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Phạm Anh N từ 01(một) năm đến 02 (hai) năm tù.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc T: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T: 01(một) năm tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

Bị cáo Phạm Ngọc T, Phạm Anh N đều nhận tội xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và đánh giá. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/01/2019 Phạm Anh N và Phạm Ngọc T có hành vi tàng trữ 0,1 gam ma túy loại Heroine mục đích sử dụng. Hành vi của các bị cáo Phạm Anh N, Phạm Ngọc T đã phạm tội “Tàng trữ phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đang bị toàn xã hội bài trừ, lên án ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và cũng là nguyên nhân, làm gia tăng các loại tội phạm khác, Do đó, cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh, trước pháp luật.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành tích cực thực hiện tội phạm.

[5]. Xét nhân thân: Các bị cáo đều là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Bị cáo Phạm Ngọc T năm 2002 và năm 2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2009

bị Công an thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” và 03 lần bị đưa vào trung tâm cai nghiện bắt buộc vào các năm 2009; 2012; 2016 (Đã được xóa tiền sự). Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học giáo dục bản thân; Ngày 23/01/2019 cùng Phạm Anh N cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích sử dụng sử dụng cho bản thân. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện bản thân của các bị cáo là rất kém cần phải có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, thì mới có thể giáo dục, cải tạo, các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết:

Bị cáo Phạm Anh N, Phạm Ngọc T quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Bởi bị cáo Phạm Anh N là người có công với nước đã được tặng thưởng huân chương Bảo vệ tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không nghề nghiệp, không có tài sản riêng, không có thu nhập. Nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Đối với người đàn ông có tên là T2, đã bán ma túy cho N do không biết họ tên, tuổi, địa chỉ. Nên không có cơ sở để điều tra, xử lý trong vụ án.

[9]. Về vật chứng vụ án:

Đối với 0,1 gam Heroine thu giữ của Phạm Anh N và Phạm Ngọc T. Cơ quan giám định không hoàn lại đối tượng giám định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOVO biển kiểm soát 21 V4 – 7964 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn C, anh C không biết việc T dùng chiếc xe làm phương tiện đi mua trái phép chất ma túy mục đích sử dụng nên Cơ quan điều tra trả cho anh C là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng lắp sim 0974 089 975 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Anh N có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel lắp sim số 0988 258 548 đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Ngọc T không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo Thành nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng ; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] . Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T, Phạm Anh N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Phạm Ngọc T: **02 (hai)** năm tù .

Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Phạm Anh N: **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù .

Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc xi lanh nhựa chưa qua sử dụng; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim 0974 089 975 đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Phạm Ngọc T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel lắp sim số 0988 258 548 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí và lệ phí Tòa án” Buộc bị cáo Phạm Ngọc T, Phạm Anh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKS TP Yên Bái.
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Tuyền

